

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bình;

Bà Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 5, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn T kết hôn lần đầu vào năm 2010. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T cờ bạc. Năm 2015, chị và anh T làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Sau đó, anh T có biểu hiện thay đổi, hối cải, xin tha thứ, chị M đã tha thứ và vợ chồng đi đăng ký lại lần 2 vào ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại UBND xã L. Sau khi kết hôn lại, anh T không thay đổi mà còn cờ bạc nhiều hơn, không quan tâm đến vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2/2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/9/2011 và cháu Trần Ánh D, sinh ngày 14/11/2015. Sau ly hôn, chị M yêu cầu Tòa án giao hai cháu cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 3.000.000đ/tháng/2 cháu, mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, từ nay đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của anh Trần Văn T (tại bản tự khai ngày 11/4/2019 và bản tự khai ngày 31/5/2019):

Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị M trình bày là đúng. Vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống gia đình thường không hạnh phúc. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vào thời điểm này vì anh muốn có thời gian để hai vợ chồng nói chuyện và để anh có điều kiện thuận lợi trong việc chăm sóc con chung.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung như chị M đã nêu là đúng. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý giao hai con cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M là 3.000.000đ/tháng/2 cháu, mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng, từ nay đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 27/5/2019, xóm trưởng xóm 5, xã L cho biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị M chung sống bình thường. Một thời gian sau, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã từng ly hôn nhưng sau đó, vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên anh T lún sâu vào con đường cờ bạc, nợ nần nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng anh T thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Trần Nguyễn Ngọc D trình bày: nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tổ tụng dân sự:** Chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Trần Văn T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 07/8/2019, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh T vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử lần hai vắng mặt anh T.

[2] **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 14/7/2017 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T cờ bạc, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng thực tế lại không có thái độ níu kéo để quay về đoàn tụ với vợ con. Xét thực tế, quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T không còn nên xử cho chị M được ly hôn anh T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

[3] **Về con:** Chị M và anh T có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/9/2011 và cháu Trần Ánh D, sinh ngày 14/11/2015. Hiện nay hai cháu đang ở với chị M, cháu D còn nhỏ, nguyện vọng của cháu D là được ở với mẹ. Anh T cũng đồng ý giao hai cháu cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị M là 1.500.000đ/tháng/cháu, hai cháu là 3.000.000đ/tháng. Xét thấy là thỏa đáng nên giao cháu D và cháu D cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị M là 1.500.000đ/tháng/cháu, hai cháu là 3.000.000đ/tháng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] **Về tài sản:** Hai bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nên miễn xét.

[5] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn, anh Trần Văn T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trần Văn T.

2. **Về con:** Giao cháu Trần Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 14/9/2011 và cháu Trần Ánh D, sinh ngày 14/11/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), hai cháu là

3.000.000đ/tháng (Ba triệu đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi cháu D và cháu D đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0005030 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn. Chị M đã nộp đủ tiền án phí DSST. Anh Trần Văn T phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Tạ Văn Tuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

TP - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thắm

Mai Thị Bình

Tạ Văn Tuyển